

CÔNG TY CỔ PHẦN
HALCOM VIỆT NAM
HALCOM VIETNAM JOINT
STOCK COMPANY

Số/ No. 278/2025/CV/HAL-BQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2025
Hanoi, dated October 30, 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN HALCOM VIỆT NAM

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Digitally signed by
CÔNG TY CỔ PHẦN
HALCOM VIỆT NAM
Date: 2025.10.30
16:20:56 +07'00'

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.
To: The State Securities Commission;
The Stock Exchange of Ho Chi Minh city.

- Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN HALCOM VIỆT NAM
Name of organization: HALCOM VIETNAM JOINT STOCK COMPANY
- Mã chứng khoán/ Stock Symbol: HID
- Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Hòa Bình, số 106 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội
Address: Floor No.09, Hoa Binh Tower, No.106 Hoang Quoc Viet street, Nghia Do ward, Hanoi city
- Điện thoại liên hệ/ Telephone: 024 3562 4709
- Email: info@halcom.vn
- Nội dung thông tin công bố/ Contents of disclosure: Báo cáo tài chính riêng Quý II năm tài chính 2025 của Công ty CP Halcom Việt Nam – Bản Tiếng Việt / Separate financial statements for the 2nd quarter of fiscal year 2025 of Halcom Vietnam Joint Stock Company - Vietnamese version
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 30/10/2025 tại đường dẫn <https://halcom.vn/category/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin/>
This information was published on the company's website on 30/10/2025, as in the link <https://halcom.vn/category/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin/>
Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.



We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Tài liệu đính kèm/ Attached documents:
*Báo cáo tài chính riêng Quý II năm tài
chính 2025 – Bản Tiếng Việt/ Separate
financial statements for the 2nd quarter
of fiscal year 2025 – Vietnamese
version*

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT/
Party authorized to disclose information



Nguyễn Thu Trang/
Nguyen Thu Trang



CÔNG TY CỔ PHẦN HALCOM VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

QUÝ II NĂM TÀI CHÍNH 2025

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	9 - 41



BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/09/2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành đã điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/09/2025 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Quang Huân	Chủ tịch
Ông Nguyễn Việt Dũng	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Lâm	Thành viên, miễn nhiệm từ ngày 12/09/2025
Ông Đoàn Năng Liên	Thành viên, bổ nhiệm từ ngày 12/09/2025

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đỗ Tiến Anh	Quyền Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 21/04/2025, miễn nhiệm từ ngày 01/07/2025
Ông Phạm Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 01/07/2025
Bà Hà Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 09/04/2025

Ban Kiểm soát

Bà Bùi Thị Xuyên	Trưởng ban
Bà Trần Thị Minh Huệ	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Quyết	Thành viên

Kế toán trưởng

Bà Trần Thị Diệu

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/09/2025 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty trong kỳ, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/09/2025, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP)

- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Điều hành cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Điều hành phê duyệt Báo cáo tài chính riêng đính kèm. Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30/09/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và các luồng lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/09/2025, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,



Nguyễn Quang Huân

Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2025

Mẫu số B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 30/09/2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2025 VND	01/04/2025 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		290.674.990.057	115.745.545.240
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	465.642.864	4.639.080.179
Tiền	111		465.642.864	4.639.080.179
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		287.692.649.899	105.741.245.212
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	113.815.141.166	22.555.850.676
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	127.378.182.917	44.909.043.942
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		7.600.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	39.050.383.467	38.612.734.484
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(151.057.651)	(336.383.890)
Hàng tồn kho	140	9	2.027.871.421	3.525.137.737
Hàng tồn kho	141		2.027.871.421	3.525.137.737
Tài sản ngắn hạn khác	150		488.825.873	1.840.082.112
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	488.825.873	572.273.817
Thuế GTGT được khấu trừ	152	15	-	1.267.808.295
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		896.333.241.348	867.274.614.345
Các khoản phải thu dài hạn	210		416.401.000	364.401.000
Phải thu dài hạn khác	216	8	416.401.000	364.401.000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		1.621.262.870	1.847.836.868
Tài sản cố định hữu hình	221	12	1.621.262.870	1.847.836.868
- Nguyên giá	222		6.320.518.961	6.320.518.961
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.699.256.091)	(4.472.682.093)
Tài sản dở dang dài hạn	240		168.100.131.732	100.128.415.919
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	10	168.100.131.732	100.128.415.919
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	725.591.058.139	764.311.332.933
Đầu tư vào công ty con	251		734.024.757.547	750.584.357.547
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên	252		41.000.000.000	41.000.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(49.433.699.408)	(27.273.024.614)
Tài sản dài hạn khác	260		604.387.607	622.627.625
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	604.387.607	622.627.625
TỔNG TÀI SẢN	270		1.187.008.231.405	983.020.159.585

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)

Tại ngày 30/09/2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2025	01/04/2025
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		345.131.999.800	191.048.784.275
Nợ ngắn hạn	310		117.910.197.184	115.657.391.285
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	2.781.514.046	4.271.923.185
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	5.132.811.360	1.565.055.859
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	18.380.686.995	4.744.317.124
Phải trả người lao động	314		2.327.863.767	2.269.455.754
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	1.651.662.763	780.975.965
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	408.217.092	642.830.224
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	85.271.690.880	99.427.082.893
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.955.750.281	1.955.750.281
Nợ dài hạn	330		227.221.802.616	75.391.392.990
Phải trả dài hạn khác	337	15	94.000.000.000	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16	133.221.802.616	75.391.392.990
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		841.876.231.605	791.971.375.310
Vốn chủ sở hữu	410	19	841.876.231.605	791.971.375.310
Vốn góp của chủ sở hữu	411		767.650.320.000	767.650.320.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		767.650.320.000	767.650.320.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		536.587.297	536.587.297
Cổ phiếu quỹ	415		(58.859.397)	(58.859.397)
Quỹ đầu tư phát triển	418		2.040.795.104	2.040.795.104
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		71.707.388.601	21.802.532.306
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		21.802.532.306	13.668.087.403
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		49.904.856.295	8.134.444.903
TỔNG NGUỒN VỐN	440		1.187.008.231.405	983.020.159.585

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2025

Người lập biểu



Tô Thị Minh

Kế toán trưởng



Trần Thị Diệu

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Quang Huân

Mẫu số B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/09/2025

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/07/2025 đến 30/09/2025	Từ 01/07/2024 đến 30/09/2024	Từ 01/04/2025 đến 30/09/2025	Từ 01/04/2024 đến 30/09/2024
					VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	145.768.415.065	60.491.334.665	230.592.922.069	108.470.597.235
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		145.768.415.065	60.491.334.665	230.592.922.069	108.470.597.235
Giá vốn hàng bán	11	22	47.696.831.826	42.612.809.194	118.412.458.087	86.810.197.885
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp	20		98.071.583.239	17.878.525.471	112.180.463.982	21.660.399.350
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	118.817.698	474.075.723	119.100.534	692.217.345
Chi phí tài chính	22	24	4.102.610.072	16.268.135.950	26.841.131.161	17.944.160.109
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.854.948.862	1.379.252.112	3.594.080.632	2.402.313.538
Chi phí bán hàng	25		-	-	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		19.827.083.000	1.904.022.367	23.012.047.423	4.076.953.655
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		74.260.707.865	180.442.877	62.446.385.932	331.502.931
Thu nhập khác	31		105.057	-	105.057	-
Chi phí khác	32	25	13.881.577	19.940.117	23.021.696	62.345.102
Lợi nhuận khác	40		(13.776.520)	(19.940.117)	(22.916.639)	(62.345.102)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		74.246.931.345	160.502.760	62.423.469.293	269.157.829
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	12.518.612.998	-	12.518.612.998	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		61.728.318.347	160.502.760	49.904.856.295	269.157.829

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2025

Người lập biểu

Tô Thị Minh

Kế toán trưởng

Trần Thị Diệu

Chủ tịch HĐQT

Nguyễn Quang Huân

Mẫu số B03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/09/2025

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Từ 01/04/2025 đến 30/09/2025 VND	Từ 01/04/2024 đến 30/09/2024 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	62.423.469.293	269.157.829
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	226.573.998	231.981.576
Các khoản dự phòng	03	21.975.348.555	14.658.507.238
Lãi hoạt động đầu tư	05	(119.100.534)	(692.217.345)
Chi phí lãi vay	06	3.594.080.632	2.402.313.538
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08	88.100.371.944	16.869.742.836
trước thay đổi vốn lưu động			
Giảm các khoản phải thu	09	(72.950.270.153)	170.270.074.058
(Tăng) / Giảm hàng tồn kho	10	1.497.266.316	(10.751.821.808)
(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi	11	219.419.012.173	(19.006.775.836)
vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp			
phải nộp)			
(Tăng) / Giảm chi phí trả trước	12	54.373.652	26.514.257
Tiền lãi vay đã trả	14	(4.464.767.430)	(2.382.450.163)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.585.578.240)	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động	20	230.070.408.262	155.025.283.344
kinh doanh			
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(186.997.563.724)	(3.871.399.853)
và các tài sản dài hạn khác			
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và	22	-	-
các tài sản dài hạn khác			
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ	23	(7.600.000.000)	(23.100.000.000)
của đơn vị khác			
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công	24	-	9.750.000.000
cụ nợ của đơn vị khác			
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(83.440.400.000)	(163.928.155.570)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị	26	-	-
khác			
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận	27	119.100.534	2.159.222
được chia			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu	30	(277.918.863.190)	(181.147.396.201)
tư			

Mẫu số B03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (TIẾP)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/09/2025

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/04/2025 đến 30/09/2025	Từ 01/04/2024 đến 30/09/2024
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		171.909.612.536	129.804.729.060
Tiền trả nợ gốc vay	34		(128.234.594.923)	(103.583.232.662)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		43.675.017.613	26.221.496.398
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(4.173.437.315)	99.383.541
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	4.639.080.179	192.431.713
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	465.642.864	291.815.254

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2025

Người lập biểu

Tô Thị Minh

Kế toán trưởng

Trần Thị Diệu

Chủ tịch HĐQT

Nguyễn Quang Huân

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

Mẫu số B09-DN

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty"), tiền thân là Công ty TNHH Phát triển hạ tầng Thăng Long, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101143879 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/07/2001. Công ty được chuyển đổi sang hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 25 ngày 26/12/2024.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại Tầng 9, tòa nhà Hòa Bình, 106 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, Hà Nội.

Vốn điều lệ thực góp theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đến ngày 30/09/2025 là 767.650.320.000 đồng (Bằng chữ: Bảy trăm sáu mươi bảy tỷ, sáu trăm năm mươi triệu, ba trăm hai mươi nghìn đồng) chia thành 76.765.032 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Cổ phiếu của công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là: HID.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/09/2025 là 46 người (tại ngày 31/03/2025 là 38 người).

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, chi tiết: Thiết kế công trình thủy lợi; Giám sát thi công xây dựng loại công trình: giao thông (cầu, đường bộ), lĩnh vực chuyên môn giám sát: xây dựng và hoàn thiện; Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công trình thủy lợi; Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình; Tư vấn lập dự án, quy hoạch các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng; Tư vấn thẩm tra thiết kế kỹ thuật và lập dự án đầu tư xây dựng; Tư vấn thiết kế quy hoạch xây dựng; Tư vấn thiết kế kiến trúc công trình, thiết kế kết cấu, thiết kế điện đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, thiết kế điện đối với công trình cấp thoát nước, vệ sinh môi trường; Tư vấn thiết kế cấp thoát nước công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; Tư vấn lập kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu và đánh giá thầu (Không bao gồm xác định giá gói thầu và giá hợp đồng trong xây dựng) cho các dự án đầu tư xây dựng; Tư vấn thẩm tra dự án đầu tư xây dựng; Tư vấn đánh giá dự án đầu tư; Tư vấn, khảo sát, giám sát thi công và tổ chức thi công các công trình điện dưới 35 KV; Tư vấn, khảo sát, giám sát thi công: công trình cấp thoát nước môi trường; Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật (gồm Cấp nước, Thoát nước, Xử lý chất thải rắn); Thiết kế xây dựng công trình giao thông (gồm: đường bộ, cầu - hầm); Thiết kế xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn; Giám sát công tác xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn;
- Mua bán thương mại thép cây, thép hình và ống inox các loại;
- Các hoạt động kinh doanh khác.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty trong năm: kinh doanh thương mại, cung cấp dịch vụ kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Tại ngày 30/09/2025, Công ty có các công ty con, công ty liên kết như sau:

Danh sách các công ty con kiểm soát trực tiếp:

Tên công ty con trực tiếp	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần phát triển Đô thị Cần Thơ	Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	Xây dựng	96,88%	96,88%
Công ty Cổ phần Phong điện Miền Trung	Quy Nhơn, Bình Định	Sản xuất điện	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	Thuận Thành, Bắc Ninh	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	93,61%	93,61%
Công ty Cổ phần Điện gió Halcom - Quảng Bình	Đồng Hới, Quảng Bình	Sản xuất điện	96,15%	96,15%
Công ty Cổ phần Điện mặt trời Halcom - Hậu Giang (1)	Phụng Hiệp, Hậu Giang	Sản xuất điện	100,0%	98,00%
Công ty TNHH Đầu tư và Ứng dụng Công nghệ môi trường Miền Bắc (2)	Long Biên, Hà Nội	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại	60%	60%
Công ty TNHH Halcom (Cambodia) (3)	thành phố Phnôm Pênh	Bán buôn vật liệu, dụng cụ xây dựng	100,0%	100%

(1) Công ty Cổ phần Điện mặt trời Halcom – Hậu Giang được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6300346708 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp lần đầu ngày 08/09/2021 với số vốn điều lệ 100 tỷ đồng. Trong đó, Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam góp 98%, ông Nguyễn Việt Dũng góp 1% và ông Phùng Ngọc Sơn góp 1% vốn điều lệ. Đến thời điểm 30/09/2025, Halcom đã góp vốn 28.000.000.000 đồng.

(2) Công ty TNHH Đầu tư và Ứng dụng Công nghệ Môi trường Miền Bắc được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107613489 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27/10/2016, đăng ký thay đổi lần thứ năm tại ngày 10/01/2025 với số vốn điều lệ 66,8 tỷ đồng. Tại ngày 30/09/2025, tổng số vốn Công ty đã góp vào công ty là 150.000.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

- (3) Tại ngày 01/04/2025, Công ty đã thành lập Công ty con - Công ty TNHH Halcom (Cambodia) tại Campuchia. Công ty TNHH Halcom (Cambodia) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1000486108 do Bộ Thương mại Vương quốc Campuchia cấp. Địa chỉ trụ sở tại thành phố Phnôm Pênh. Đến ngày 30/09/2025, Công ty đã góp 790.800.000 đồng vào Công ty TNHH Halcom (Cambodia).

Danh sách các công ty liên doanh, liên kết:

Tên công ty liên kết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Nước Halcom - Nhơn Hội	Phù Cát, Bình Định	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	39,42%	39,42%

1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Số liệu so sánh cho Báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/09/2025 là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2024 đến ngày 30/09/2024 của Công ty lập.

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 và kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính riêng này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/09/2025.

2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này:

3.1 CƠ SỞ, MỤC ĐÍCH LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Báo cáo tài chính được lập là báo cáo tài chính riêng của Công ty. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư vào Công ty con

Khoản đầu tư được trình bày là khoản đầu tư vào Công ty Con khi Công ty nắm quyền kiểm soát đơn vị được đầu tư. Kiểm soát là quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh đó.

Một khoản đầu tư được coi là nắm được quyền kiểm soát của đơn vị được đầu tư khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị đó trừ khi quyền sở hữu đó không gắn liền quyền kiểm soát. Nếu Công ty không nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị khác thì Công ty vẫn có thể có được quyền kiểm soát đơn vị nếu Công ty có:

- (i) Quyền lớn hơn 50% quyền biểu quyết của đơn vị nhờ có một thoả thuận với các nhà đầu tư khác;
- (ii) Quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị theo một qui chế hay một thoả thuận;
- (iii) Quyền bổ nhiệm, bãi miễn đa số thành viên Hội đồng quản trị (hoặc một bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị; hoặc
- (iv) Quyền bỏ phiếu quyết định trong các cuộc họp Hội đồng quản trị (hoặc bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị.

Thời điểm ghi nhận ban đầu của khoản đầu tư vào Công ty con được mua trong kỳ là ngày mà Công ty đạt được quyền kiểm soát thực tế đối với đơn vị được đầu tư. Trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các khoản đầu tư vào Công ty con được trình bày theo giá gốc (giá mua và các chi phí mua trực tiếp liên quan) trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư. Việc lập dự phòng tổn thất đầu tư căn cứ vào giá trị khoản lỗ lũy kế trên Báo cáo tài chính riêng của công ty con và có thể được hoàn nhập khi có lãi. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá (trừ công ty nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng khi các khoản đầu tư có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: Giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm. Bao gồm: chi phí giải phóng mặt bằng, chi phí thực hiện dự án, chi phí hạ tầng dự án, ... của các phần dự án chưa được ghi nhận doanh thu tại thời điểm cuối năm.

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Máy móc, thiết bị	06 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 04 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.8 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỒI DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty bao gồm các tài sản là các dự án xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính riêng. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

3.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

3.10 NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

3.11 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả của Công ty là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Chi phí nhân công được ghi nhận dựa trên bảng dự toán công việc, bảng dự toán chi phí.

Chi phí lãi vay được xác định dựa vào hợp đồng, khế ước vay, lãi suất và thời gian vay thực tế.

Các khoản chi phí khác được trích trước dựa trên Hợp đồng, biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành và các chứng từ khác có liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.11 CHI PHÍ PHẢI TRẢ (TIẾP)

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

3.12 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản vay, nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng, khoản vay đến hạn trả trong vòng 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh tiếp theo được phân loại là vay ngắn hạn, các khoản có thời gian trả nợ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản vay dài hạn.

3.13 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

3.14 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.15 PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu/các cổ đông/các thành viên được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức/lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng thành viên phê duyệt, danh sách danh sách cổ đông/thành viên góp vốn được chốt chính thức và được Ủy ban Chứng khoán chấp thuận.

3.16 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu từ doanh thu bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ tư vấn,...

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính riêng của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.16 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP (TIẾP)

Doanh thu cung cấp dịch vụ (tiếp)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính riêng; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.17 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã xuất bán hoặc đã cung cấp trong năm.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, giá vốn hàng bán còn bao gồm các khoản chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho kể cả khi sản phẩm hàng hóa chưa được tiêu thụ; giá trị hàng tồn kho bị hao hụt, mất mát và khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

3.18 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng là tổng chi phí tài chính phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay.

3.19 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.19 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢP NHÀ NƯỚC (TIẾP)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán riêng và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng cân đối kế toán riêng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính riêng.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

3.20 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Tập đoàn kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan trong năm tài chính được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/09/2025 VND	01/04/2025 VND
- Tiền mặt	-	-
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	465.642.864	4.639.080.179
Cộng	465.642.864	4.639.080.179

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	30/09/2025			01/04/2025		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp VND
- Đầu tư vào công ty con	734.024.757.547	(49.433.699.408)		750.584.357.547	(27.273.024.614)	
+ Công ty Cổ phần phát triển Đô thị Cần Thơ	186.000.000.000	(402.397.306)	(*)	186.000.000.000	(402.397.306)	(*)
+ Công ty Cổ phần Phong Điện Miền Trung	150.100.750.000	(49.031.302.102)	(*)	150.100.750.000	(26.870.627.308)	(*)
+ Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	152.883.207.547	-	(*)	152.883.207.547	-	(*)
+ Công ty Cổ phần Điện gió Halcom - Quảng Bình	66.250.000.000	-	(*)	66.250.000.000	-	(*)
+ Công ty TNHH Đầu tư và Ứng dụng công nghệ môi trường Miền Bắc	150.000.000.000	-	(*)	195.350.400.000	-	(*)
+ Công ty CP Điện mặt trời Halcom - Hậu Giang	28.000.000.000	-	(*)	-	-	(*)
+ HALCOM (CAMBODIA) CI., LTD	790.800.000	-	(*)	-	-	(*)
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	41.000.000.000	-	(*)	41.000.000.000	-	
+ Công ty Cổ phần Nước Halcom - Nhơn Hội	41.000.000.000	-	(*)	41.000.000.000	-	(*)
Cộng	775.024.757.547	(49.433.699.408)		791.584.357.547	(27.273.024.614)	

(*) Tại ngày 30/09/2025, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng vì chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Tóm tắt tình hình các Công ty con:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh
Công ty Cổ phần phát triển Đô thị Cần Thơ	Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	96,88%	96,88%	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1801610432 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 06/08/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 08/01/2024. Vốn điều lệ 192 tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh chính: xây dựng. Hiện nay, Công ty đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản, chưa đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh.
Công ty Cổ phần Phong Điện Miền Trung	Quy Nhơn, Bình Định	51,00%	51,00%	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100656522 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 13/08/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 01/11/2023. Vốn điều lệ 294,3 tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh chính: sản xuất điện.
Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	Thuận Thành, Bắc Ninh	93,61%	93,61%	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2300307123 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 12/07/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 20/04/2023. Vốn điều lệ 145 tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh chính: Khai thác, xử lý và cung cấp nước.
Công ty Cổ phần Điện gió Halcom - Quảng Bình	Đồng Hới, Quảng Trị	96,15%	96,15%	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3101106872 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp lần đầu ngày 20/09/2021, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 14/04/2025, Vốn điều lệ 68,9 tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất điện. Hiện nay Công ty đang trong giai đoạn xúc tiến đầu tư dự án.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Tóm tắt tình hình các Công ty con (tiếp):

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh
Công ty TNHH Đầu tư và Ứng dụng công nghệ môi trường Miền Bắc	Long Biên, Hà Nội	60,00%	60,00%	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107613489 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27/10/2016, thay đổi lần thứ 5 ngày 10/01/2025. Vốn điều lệ 66,8 tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh chính: Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại.
Công ty TNHH Halcom (Cambodia)	thành phố Phnôm Pênh	100,00%	100,00%	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1000486108 do Bộ thương mại vương quốc Campuchia cấp lần đầu ngày 01/04/2025. Vốn điều lệ 750,000 USD, tương đương 19,305,000,000 VNĐ. Hoạt động kinh doanh chính: xuất nhập khẩu bán buôn hàng hóa, thiết bị.....
Công ty Cổ phần Điện mặt trời Halcom - Hậu Giang	Hòa An, Cần Thơ	98,00%	98,00%	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6300346708 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp lần đầu ngày 08/09/2021. Vốn điều lệ 100 tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất điện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Tóm tắt tình hình Công ty liên kết:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh
Công ty Cổ phần Nước Halcom - Nhơn Hội	Phù Cát, Bình Định	39,42%	39,42%	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4101521292 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 07/08/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 21/07/2021. Vốn điều lệ 104 tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh chính: khai thác, xử lý và cung cấp nước. Hiện nay, Công ty đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản, chưa đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

6. PHẢI THU NGÁN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/09/2025		01/04/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	113.815.141.166	(151.057.651)	22.555.850.676	(336.383.890)
- Ông Vũ Mạnh Tuấn	-	-	3.671.300.000	-
- Công ty Cổ phần Thương mại và Tư vấn Tân Cơ	-	-	324.379.674	-
- BQLDA thực hiện DA hợp phần phát triển toàn diện kinh tế xã hội đô thị Hưng Yên	1.266.967.986	-	1.266.967.986	-
- Công ty TNHH Tài chính thịnh vượng	4.386.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Alphanam E&C	170.229.247	-	170.229.247	-
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Trịnh Diện	-	-	1.438.143.860	-
- Công ty TNHH Thương mại Tiếp vận Hải Hà	2.848.774.693	-	3.544.774.693	-
- Công ty Cổ phần - Trung tâm Phân tích và Môi trường	-	-	3.240.000.000	-
- Công ty Cổ phần Thương mại và Môi trường Việt Nam	761.400	-	2.775.645.609	-
- Lê Minh Đức (*)	100.000.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH Dịch vụ thương mại điện tử Matida Việt Nam	1.069.200.000	-	-	-
- Các đối tượng khác	4.073.207.840	(151.057.651)	6.124.409.607	(336.383.890)
Cộng	113.815.141.166	(151.057.651)	22.555.850.676	(336.383.890)

(*) Khoản phải thu từ Ông Lê Minh Đức phát sinh theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 930/2025/HĐCNCPVG/HALCOM-LMD ngày 30/09/2025, trong đó Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam đã chuyển nhượng 40% phần vốn góp tương đương 100 tỷ đồng tại Công ty TNHH Đầu tư và Ứng dụng Công nghệ Môi trường Miền Bắc cho Ông Lê Minh Đức

CÔNG TY CỔ PHẦN HALCOM VIỆT NAM

Tầng 9, Tòa nhà Hòa Bình, 106 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/09/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGÂN HẠN

	30/09/2025		01/04/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	127.378.182.917	-	-	-
- Tổng Công ty Đầu tư Nước và Môi trường Việt Nam	14.432.917.153	-	44.909.043.942	-
- Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu Xanh	-	-	34.865.370.363	-
- Ban Quản lý Dự án và giải phóng mặt bằng Khu kinh tế	1.803.469.600	-	7.792.486.786	-
- Công ty TNHH thể thao và giải trí Thiên Mã	-	-	1.100.000.000	-
- Công ty CP Nước Halcom - Nhon Hội (*)	109.000.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH Halcom (Cambodia)	1.354.600.000	-	-	-
- Các đối tượng khác	787.196.164	-	1.151.186.793	-
Cộng	127.378.182.917	-	44.909.043.942	-

(*) Khoản ứng trước cho Công ty Cổ phần Nước Halcom Nhon Hội theo Hợp đồng số 801/2025/HDEPC/HAL-NNH ngày 01/08/2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

8. PHẢI THU KHÁC

	30/09/2025		01/04/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	39.050.383.467	-	38.612.734.484	-
- Ký cược, ký quỹ	18.000.000	-	18.000.000	-
- Tạm ứng	588.035.629	-	266.309.934	-
- Phải thu khác	38.444.347.838	-	38.328.424.550	-
+ Công ty Cổ phần An Lạc Sơn (*)	38.282.355.957	-	38.282.355.957	-
+ Các đối tượng khác	161.991.881	-	46.068.593	-
b) Dài hạn	416.401.000	-	364.401.000	-
- Ký cược, ký quỹ	416.401.000	-	364.401.000	-
Cộng	39.466.784.467	-	38.977.135.484	-

(*) Khoản phải thu Công ty Cổ phần An Lạc Sơn theo Biên bản thanh lý ngày 26/3/2025 của Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2019/HĐHT/HAL-ALS ngày 14/05/2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

9. HÀNG TỒN KHO

	30/09/2025		01/04/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.027.871.421	-	3.525.137.737	-
+ Gói khảo sát KTXH, cam kết đầu nối nước thải Hà Đông, Sơn Tây-HD số 12/TV/HD-ST Ngày 26.12.2011	1.003.332.851	-	1.003.332.851	-
+ TVGS_Phat triển thành phố Xanh loại II - Gói thầu số 21 Tín dụng No.3590-VIE, HD số HUI-CS01	431.890.046	-	1.382.664.953	-
+ Các hợp đồng khác	592.648.524	-	1.139.139.933	-
Cộng	2.027.871.421	-	3.525.137.737	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG

	30/09/2025	01/04/2025
	VND	VND
- DA đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước khu kinh tế Nhơn Hội (1)	156.469.013.337	87.162.278.200
- Dự án Phương Mai 3 - Resort	6.597.490.470	6.597.490.470
- Dự án ĐTXD nhà máy điện gió ngoài khơi Lệ Thủy - Quảng Bình 1	-	876.209.567
- Các dự án khác	5.033.627.925	5.492.437.682
Cộng	168.100.131.732	100.128.415.919

- (1) Dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước Khu kinh tế Nhơn Hội, mục tiêu: đầu tư xây dựng và kinh doanh hệ thống cấp nước ngọt với tổng công suất 50.000 m3/ngày đêm, được xây dựng theo 3 giai đoạn: Giai đoạn 1 (Quý 4/2019- Quý 4/2024): công suất 10.000m3/ngày đêm, Giai đoạn 2 (Năm 2025- Năm 2026): nâng công suất nhà máy thành 20.000m3/ngày đêm, Giai đoạn 3 (Năm 2027-Năm 2030): nâng công suất nhà máy thành 50.000m3/ngày đêm. Thời gian hoạt động của dự án là 50 năm.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/09/2025	01/04/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	488.825.873	572.273.817
- Chi phí công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	19.037.122	-
- Chi phí mua bảo hiểm	166.538.332	237.563.496
- Chi phí thuê GCN quyền sử dụng đất, thuê văn phòng	216.141.866	206.541.866
- Chi phí trả trước khác ngắn hạn	87.108.553	128.168.455
b) Dài hạn	604.387.607	622.627.625
- Chi phí công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	122.166.984	-
- Chi phí xây dựng quy trình, hệ thống Công ty	427.555.560	526.222.224
- Chi phí trả trước khác	54.665.063	96.405.401
Cộng	1.093.213.480	1.194.901.442

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dùng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
01/04/2025	105.684.416	6.182.389.090	32.445.455	6.320.518.961
30/09/2025	105.684.416	6.182.389.090	32.445.455	6.320.518.961
HAO MÒN LŨY KẾ				
01/04/2025	(105.684.416)	(4.334.552.222)	(32.445.455)	(4.472.682.093)
- Khấu hao trong năm	-	(226.573.998)	-	(226.573.998)
30/09/2025	(105.684.416)	(4.561.126.220)	(32.445.455)	(4.699.256.091)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
01/04/2025	-	1.847.836.868	-	1.847.836.868
30/09/2025	-	1.621.262.870	-	1.621.262.870

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/09/2025 là 1.789.038.961 đồng (tại ngày 01/04/2025 là 1.789.038.961 đồng).

Giá trị còn lại tại ngày 30/09/2025 của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là 1.621.262.870 đồng (tại ngày 01/04/2025 là 1.847.826.868 đồng)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÂN HẠN

	30/09/2025		01/04/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Cơ khí và Công nghiệp Ánh Dương	-	-	268.206.202	268.206.202
- Công ty TNHH Thẻ Thao và Giải trí Thiên Mã	1.798.335.000	1.798.335.000	1.798.335.000	1.798.335.000
- Công ty Cổ phần Bất động sản Hà Minh Anh	-	-	1.510.961.910	1.510.961.910
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Hưng Thái	54.514.096	54.514.096	54.514.096	54.514.096
- Các đối tượng khác	928.664.950	928.664.950	639.905.977	639.905.977
Cộng	2.781.514.046	2.781.514.046	4.271.923.185	4.271.923.185

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGÂN HẠN

	30/09/2025		01/04/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
- Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình cấp nước, thoát nước và môi trường thành phố Hà Nội	827.879.000	827.879.000	827.879.000	827.879.000
- Ban Quản lý dự án Phát triển tổng hợp các Đô thị động lực - Thành phố Hải Dương	-	-	192.810.787	192.810.787
- Công ty CP Nước Thuận Thành	3.753.512.540	3.753.512.540	-	-
- Bộ Nông Lâm nghiệp Lào	182.713.820	182.713.820	287.627.192	287.627.192
- Các đối tượng khác	368.706.000	368.706.000	256.738.880	256.738.880
Cộng	5.132.811.360	5.132.811.360	1.565.055.859	1.565.055.859

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/04/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	30/09/2025
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	3.077.507.343	2.006.118.684	-	5.083.626.027
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.436.226.057	12.518.612.998	1.585.578.240	12.369.260.815
- Thuế thu nhập cá nhân	214.832.305	1.143.231.310	446.014.881	912.048.734
- Các loại thuế khác	15.751.419	2.437.084	2.437.084	15.751.419
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	11.326.121	11.326.121	-
	4.744.317.124	15.681.726.197	2.045.356.326	18.380.686.995

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Nội dung	30/09/2025		Trong năm		01/04/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn	85.271.690.880	85.271.690.880	114.829.202.910	128.984.594.923	99.427.082.893	99.427.082.893
- Vay ngắn hạn	82.271.690.880	82.271.690.880	114.829.202.910	128.984.594.923	96.427.082.893	96.427.082.893
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và PT Việt Nam - CN Cầu Giấy (1)	46.690.901.597	46.690.901.597	48.342.718.305	49.078.571.913	47.426.755.205	47.426.755.205
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Tây Hồ (2)	33.991.789.283	33.991.789.283	58.011.484.605	71.520.023.010	47.500.327.688	47.500.327.688
+ Bà Nguyễn Hoàng Ánh (3)	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	89.000.000	89.000.000	7.725.000.000	7.636.000.000	-	-
+ Ông Võ Trục Điện (4)	500.000.000	500.000.000	-	-	500.000.000	500.000.000
+ Bà Trần Thị Diệu	-	-	750.000.000	750.000.000	-	-
- Vay dài hạn đến hạn trả (thời hạn dưới 1	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000
+ Bà Nguyễn Kiều Linh (5)	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000
b) Vay dài hạn	133.221.802.616	133.221.802.616	57.830.409.626	-	75.391.392.990	75.391.392.990
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng (6)	133.221.802.616	133.221.802.616	57.830.409.626	-	75.391.392.990	75.391.392.990
Cộng	218.493.493.496	218.493.493.496	172.659.612.536	128.984.594.923	174.818.475.883	174.818.475.883

- (1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2024/135099/HĐTD ngày 14/11/2024, hạn mức tín dụng thường xuyên với số tiền tối đa là 63.000.000.000 VND gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi. Trong đó đã bao gồm toàn bộ dư nợ của Công ty tại Ngân hàng được chuyển tiếp từ hợp đồng tín dụng cụ thể và Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/135099/HĐTD ngày 20/09/2023. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Lãi suất vay được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể.
- (2) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 258815.24.004.708626.TD ngày 04/12/2024, giá trị cấp tín dụng thường xuyên với số tiền tối đa là 85.000.000.000 VND gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi. Mục đích cấp tín dụng để phục vụ hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng, thiết bị điện của Công ty. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất vay được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

- (3) Hợp đồng vay tiền số 1612/2020/HĐVT ngày 16/12/2020 với bà Nguyễn Hoàng Anh, tổng số tiền vay 1.000.000.000 VND, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày nhận được tiền, lãi suất 10%/năm từ 16/12/2020 - 19/03/2023; phụ lục hợp đồng vay số 03 điều chỉnh lãi suất lên 13%/năm từ 20/03/2023 - 15/12/2023. Phụ lục hợp đồng mới nhất số 05 gia hạn khoản vay đến 15/12/2025 và lãi suất giữ nguyên 10%/năm.
- (4) Hợp đồng vay cá nhân Ông Võ Trục Điền:
- Hợp đồng vay tiền số: 0612/2021/HĐVT ngày 06/12/2021 với số tiền vay 1.000.000.000 VND, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày nhận tiền, lãi suất 10%/năm. Phụ lục hợp đồng gia hạn khoản vay đến 06/12/2025. Tại 30/09/2025, khoản gốc vay còn phải trả là 500.000.000 VND.
 - (5) Hợp đồng vay số 83/HĐVT ngày 08/03/2022 với số tiền vay 3.000.000.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất 13,5%/năm. Phụ lục hợp đồng 02/PLHĐ mới nhất gia hạn khoản vay đến 07/03/2026.
 - (6) Hợp đồng cho vay từng lần số 02/2024-HĐCVDĐT/NHCT142-HALCOM ngày 06/08/2024, hạn mức tín dụng là 184.000.000.000 VND. Thời hạn vay tối đa 132 tháng tính từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất vay được xác định vào ngày giải ngân khoản Nợ và được điều chỉnh vào ngày 25 của tháng cuối cùng của thời hạn điều chỉnh lãi suất. Trong đó:
 - Giới hạn cho vay ngắn hạn là 20.000.000.000 VND với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty,
 - Giới hạn cho vay dài hạn là 164.000.000.000 VND với mục đích tài trợ Dự án Hệ thống cấp nước Khu kinh tế Nhơn Hội - Giai đoạn 1.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/09/2025	01/04/2025
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	906.213.114	35.526.316
- Các chi phí khác	745.449.649	745.449.649
Cộng	1.651.662.763	780.975.965

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/09/2025	01/04/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	408.217.092	642.830.224
- Kinh phí công đoàn	87.150.671	79.223.791
- Các khoản chi phí bảo hiểm	128.272.292	115.098.800
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	192.794.129	448.507.633
b) Dài hạn	94.000.000.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác (*)	94.000.000.000	-
Cộng	94.408.217.092	642.830.224

(*) Đây là khoản nhận góp vốn để thực hiện Hợp tác đầu tư theo Hợp đồng số 0108/2025/BCC ngày 01/08/2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***19. VỐN CHỦ SỞ HỮU****19.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
01/04/2024	767.650.320.000		536.587.297		(58.859.397)		2.040.795.104		13.668.087.403		783.836.930.407	
- Lãi trong năm trước	-		-		-		-		8.134.444.903		-	
31/03/2025	767.650.320.000		536.587.297		(58.859.397)		2.040.795.104		21.802.532.306		791.971.375.310	
01/04/2025	767.650.320.000		536.587.297		(58.859.397)		2.040.795.104		21.802.532.306		791.971.375.310	
- Lãi trong kỳ	-		-		-		-		49.904.856.295		49.904.856.295	
30/09/2025	767.650.320.000		536.587.297		(58.859.397)		2.040.795.104		71.707.388.601		841.876.231.605	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

19.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	30/09/2025	01/04/2025
	VND	VND
+ Ông Nguyễn Quang Huân	204.648.720.000	204.648.720.000
+ Bà Bùi Thị Xuyên	40.000.000.000	40.000.000.000
+ Bà Trần Bắc Mỹ	40.000.000.000	40.000.000.000
+ Bà Vũ Thị Bích Liên	40.000.000.000	40.000.000.000
+ Các cổ đông khác	443.001.600.000	443.001.600.000
Cộng	767.650.320.000	767.650.320.000

19.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Từ 01/04/2025 đến 30/09/2025	Từ 01/04/2024 đến 30/09/2024
	VND	VND
+ Vốn góp đầu kỳ	767.650.320.000	767.650.320.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	767.650.320.000	767.650.320.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

19.4 CỔ PHIẾU

	30/09/2025	01/04/2025
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	76.765.032	76.765.032
+ Cổ phiếu phổ thông	76.765.032	76.765.032
Số lượng cổ phiếu được mua lại	8.711	8.711
+ Cổ phiếu phổ thông	8.711	8.711
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	76.756.321	76.756.321
+ Cổ phiếu phổ thông	76.756.321	76.756.321
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/09/2025	01/04/2025
Ngoại tệ các loại:		
Dollar Mỹ (USD)	549,77	528,06
Euro (EUR)	236,32	241,42

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/04/2025 đến 30/09/2025 VND	Từ 01/04/2024 đến 30/09/2024 VND
- Doanh thu bán hàng	112.512.377.506	83.431.253.881
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	118.080.544.563	25.039.343.354
Cộng	230.592.922.069	108.470.597.235

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/04/2025 đến 30/09/2025 VND	Từ 01/04/2024 đến 30/09/2024 VND
- Giá vốn hàng hóa đã bán	107.849.034.432	80.482.063.323
- Giá vốn doanh thu cung cấp dịch vụ	10.563.423.655	6.328.134.562
Cộng	118.412.458.087	86.810.197.885

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/04/2025 đến 30/09/2025 VND	Từ 01/04/2024 đến 30/09/2024 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	119.100.534	692.217.345
Cộng	119.100.534	692.217.345

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/04/2025 đến 30/09/2025 VND	Từ 01/04/2024 đến 30/09/2024 VND
- Chi phí lãi vay	3.594.080.632	2.402.313.538
- Dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty con	22.160.674.794	14.658.507.238
- Chi phí tài chính khác	1.086.375.735	883.339.333
Cộng	26.841.131.161	17.944.160.109

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

25. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/04/2025 đến 30/09/2025 VND	Từ 01/04/2024 đến 30/09/2024 VND
- Tiền chậm nộp thuế, bảo hiểm, khác	23.021.696	62.345.102
Cộng	23.021.696	62.345.102

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/04/2025 đến 30/09/2025 VND	Từ 01/04/2024 đến 30/09/2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	62.423.469.293	269.157.829
Các khoản chi phí không được khấu trừ	169.595.696	208.919.102
- Chi phí không được trừ khi tính thuế	169.595.696	208.919.102
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	62.593.064.989	478.076.931
Chuyển lỗ	-	(478.076.931)
Tổng thu nhập tính thuế trong năm	62.593.064.989	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	12.518.612.998	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	12.518.612.998	-

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 “Lãi trên cổ phiếu”, trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, Công ty không trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu trong Báo cáo tài chính riêng này.

28. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

28.1 CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan cá nhân

Trong cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/09/2025, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng, người phụ trách công bố thông tin và các thành viên thân cận trong gia đình chức trách chủ chốt được xác định là bên liên quan của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

28. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

28.1 CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Danh sách các bên liên quan tổ chức

Tên tổ chức	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần phát triển Đô thị Cần Thơ	Công ty con
Công ty Cổ phần Phong Điện Miền Trung	Công ty con
Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	Công ty con
Công ty Cổ phần Điện gió Halcom - Quảng Bình	Công ty con
Công ty Cổ phần Điện mặt trời Halcom - Hậu Giang	Công ty con
Công ty TNHH Đầu tư và Ứng dụng công nghệ môi trường Miền Bắc	Công ty con
Công ty TNHH Halcom (Cambodia)	Công ty con
Công ty Cổ phần Nước Halcom - Nhơn Hội	Công ty liên kết

28.2 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

	Từ 01/04/2025 đến 30/09/2025 VND	Từ 01/04/2024 đến 30/09/2024 VND
Mua hàng hóa, dịch vụ của bên liên quan		
Bà Vũ Thị Minh Hằng	264.239.149	199.329.583
Ông Nguyễn Tiến Hân	114.895.000	52.133.334
Bà Lê Kim Anh	705.283.334	652.537.083
	1.084.417.483	904.000.000
Bán hàng hóa, dịch vụ cho bên liên quan		
- Công ty Cổ phần Phong Điện Miền Trung	277.777.776	277.777.776
- Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	6.211.497.000	-
	6.489.274.776	277.777.776
Doanh thu tài chính		
- Công ty Cổ phần Phong Điện Miền Trung	115.923.288	119.715.068
- Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	-	307.231.945
- Công ty Cổ phần phát triển Đô thị Cần Thơ	-	263.111.110
	115.923.288	690.058.123
Chi phí tài chính		
- Công ty Cổ phần Phong Điện Miền Trung	-	134.219.177
- Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	42.886.666	-
	42.886.666	134.219.177

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

28. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

28.2 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và những người quản lý khác

Họ và tên	Chức danh	Từ 01/04/2025 đến 30/09/2025	Từ 01/04/2024 đến 30/09/2024
		VND	VND
Hội đồng quản trị		1.280.199.577	1.266.191.300
Ông Nguyễn Quang Huân	Chủ tịch	1.198.978.261	1.202.000.000
Ông Nguyễn Việt Dũng	Phó Chủ tịch	81.221.316	64.191.300
Ban Tổng giám đốc		1.311.584.357	67.000.000
Ông Phạm Minh Tuấn	Phó TGD	415.863.637	67.000.000
Bà Hà Thị Thu Hương	Phó TGD	456.431.514	-
Ông Đỗ Tiến Anh	Phó TGD	439.289.206	-
Ban kiểm soát		100.040.000	510.777.729
Ông Phan Đăng Hoàn	Trưởng ban		262.138.139
Bà Trần Bắc Mỹ	Thành viên		106.421.772
Ông Nguyễn Trường Giang	Thành viên		142.217.818
Bà Bùi Thị Xuyên	Trưởng ban	90.000.000	-
Bà Trần Thị Minh Huệ	Thành viên	5.020.000	-
Ông Nguyễn Đức Quyết	Thành viên	5.020.000	-
Những người quản lý khác		2.095.714.509	1.492.341.622
Tổng cộng Thu nhập của Hội đồng quản trị và những người quản lý khác		4.787.538.443	3.336.310.651

28.3 SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

	30/09/2025 VND	01/04/2025 VND
Phải thu khách hàng		
- Công ty Cổ phần Phong Điện Miền Trung	250.000.000	150.000.000
	250.000.000	150.000.000
Phải thu khác		
- Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	37.924.255	37.924.255
- Công ty Cổ phần Phong Điện Miền Trung	115.923.288	-
	153.847.543	37.924.255
Phải thu về cho vay		
- Công ty Cổ phần Phong Điện Miền Trung	7.600.000.000	-
	7.600.000.000	-

28.3 SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

	30/09/2025 VND	01/04/2025 VND
Trả trước cho người bán		
- Công ty TNHH Halcom (Cambodia)	1.354.600.000	-
- Công ty CP Nước Halcom - Nhơn Hội	109.000.000.000	-
	110.354.600.000	-
Người mua ứng trước tiền hàng		
- Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	3.753.512.540	-
	3.753.512.540	-
Chi phí phải trả		
- Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	42.886.666	-
	42.886.666	-
Phải trả khác		
- Công ty CP Điện gió Halcom - Quảng Bình	-	250.000.000
- Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	94.000.000.000	-
	94.000.000.000	250.000.000
Phải trả về đi vay		
- Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	89.000.000	-
	89.000.000	-

29. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

30. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán và Tư vấn UHY cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2024 đến ngày 30/09/2024 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2025 của Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam.

Số liệu của các chỉ tiêu Quý 2 năm tài chính 2024 trên Báo cáo này là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính riêng của Quý 2 năm tài chính 2024 đã được lập bởi Công ty chúng tôi.

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng





Tô Thị Minh

Trần Thị Diệu

Nguyễn Quang Huân